

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-PT

Ngày 14-9-2020

V/v Tranh chấp ly hôn và  
chia tài sản chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đắc Minh

*Các thẩm phán:* Ông Trần Văn Mười  
Bà Phạm Thị Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLDS-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung”. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1421/2019/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1027/2020/QĐ-PT ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: đường Công Hợp Rạch Bùng B, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C – Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Quốc Hưng, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

**- Bị đơn:** Ông Lê Hùng L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: đường Công Hợp Rạch Bùng B, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn Phi H1, sinh năm 1984; địa chỉ: đường Nguyễn Văn M, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và lời khai của các bên tham gia vụ kiện tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Bà Vũ Thị H và ông Lê Hùng L kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 012 quyển số 01/99 ngày 26/3/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà bà H, cuộc sống vợ chồng được hạnh phúc thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách khác biệt nhau. Hai bên đương sự đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn ông L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thùy Hương X, sinh ngày 15/3/2003, bà H đồng ý giao con chung cho ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Lê Hùng L trình bày:*

Về việc kết hôn, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng theo trình bày của bà H là đúng. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn ông L, ông L đồng ý. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thùy Hương X, sinh ngày 15/3/2003, ông L đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông L yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Về tài sản chung: Ông L yêu cầu bà H chia tài sản chung gồm:

+ Nguyên căn nhà số 192/20B đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3 nay có số mới là 18/11 đường Cống Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3 là do bà H và em gái bà H tên Vũ Kim O hùn tiền mua vào năm 1992, giá mua nhà 16 (Mười sáu) lượng vàng, bà H hùn 10 (Mười) lượng vàng tương đương 60% giá trị nhà, bà O hùn 06 (Sáu) lượng vàng tương đương 40% giá trị nhà, nhưng để bà H đứng tên trên giấy chủ quyền nhà. Năm 1996 bà O xuất cảnh sang Mỹ định cư. Năm 1999, ông L và bà H kết hôn, thời điểm này bà O đã ủy quyền cho mẹ của bà O gửi đơn tranh chấp nhà số 18/11 đường Cống Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3 đối với bà H tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 3. Vợ chồng ông L, bà H phải về quê của ông L mượn 06 (Sáu) lượng vàng của anh ruột ông L là ông Lê Hùng T trả lại phần hùn cho bà O để được sở hữu toàn bộ căn nhà 18/11 đường Cống Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3, việc giao trả vàng cho bà O được thực hiện tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 3. Đối với số vàng vay mượn của ông Lê Hùng T, vợ chồng ông L, bà H đã trả nợ xong. Do đó, ông L yêu cầu bà H chia cho ông L 20% giá trị căn nhà số 18/11 đường Cống Hợp

Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3, giá trị yêu cầu là 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng).

+ Số tiền thu nhập chung của vợ chồng từ việc cho thuê phòng trọ tại nhà số 18/11 đường Cộng Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3 từ năm 1999 đến nay, bà H giữ toàn bộ 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng), bà H đã lấy số tiền này cho ông Nguyễn Văn N, bà Trương Thị Ngọc Th và ông Lê Khắc T1 vay. Ông L yêu cầu bà H chia 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

Tổng giá trị tài sản chung ông L yêu cầu bà H chia là 2.720.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm hai mươi triệu đồng).

*Đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Hùng L về việc yêu cầu chia tài sản chung, tiền cấp dưỡng nuôi con chung, bà H trình bày:*

Căn nhà số 18/11 đường Cộng Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3 do bà H mua từ năm 1992 và đã được Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp giấy chứng nhận ngày 05/5/1992 trước khi kết hôn với ông L, đến năm 2014 bà H đã cấp đổi giấy chứng nhận và đã được Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất ngày 05/5/2014 vẫn đứng tên cá nhân bà H nên đây là tài sản riêng của bà H. Bà H xác định căn nhà nêu trên, một mình bà mua vào năm 1992, không có hôn với bà Vũ Kim O. Vì vậy, bà H không đồng ý yêu cầu chia cho ông L 20% giá trị căn nhà số 18/11 đường Cộng Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3 là 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng).

Về số tiền thu nhập từ việc kinh doanh phòng trọ tại nhà với số tiền yêu cầu là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng), bà H trình bày: Trong 20 năm chung sống, bà H và ông L sinh sống dựa vào nguồn thu thập từ kinh doanh phòng trọ tại nhà, tiền nhà cho thuê trọ, bà H đã sử dụng cho chi phí các nhu cầu ăn uống, thiết yếu trong gia đình, tiền học hành, sắm sửa cho con, ma chay, hiếu hỉ, tiền trả nợ Ngân hàng VIB. Do đó, số tiền này không còn nên bà H không đồng ý chia cho ông L.

Về con chung: bà H đồng ý giao con chung cho ông L trực tiếp chăm sóc, bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng), không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo yêu cầu của ông L.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1421/2019/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H đối với ông Lê Hùng L:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị H ly hôn ông Lê Hùng L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thùy Hương X, sinh ngày 15/3/2003. Giao trẻ Lê Thùy Hương X cho ông Lê Hùng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà Vũ Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Lê Thùy Hương X mỗi tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), thi hành từ tháng 11/2019 cho đến khi trẻ Lê Thùy Hương X tròn 18 tuổi. Việc giao nhận trẻ Lê Thùy Hương X và tiền cấp dưỡng nuôi con do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

- Về tài sản chung của vợ chồng và nghĩa vụ dân sự khác của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của ông Lê Hùng L đối với bà Vũ Thị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền án phí và dành quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/10/2019, bị đơn Lê Hùng L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về yêu cầu phản tố chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có người đại diện theo ủy quyền rút một phần kháng cáo về nội dung chia số tiền thu nhập chung của vợ chồng từ việc cho thuê phòng trọ tại nhà số 18/11 đường Cống Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3 từ năm 1999 đến nay là 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng), ông L yêu cầu bà H chia 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

Ông L chỉ đề nghị chia 20% giá trị căn nhà số 18/11 đường Cống Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3 là tài sản chung. Ông cho rằng bản án sơ thẩm đã không đánh giá đầy đủ các chứng cứ và các tình tiết khách quan của vụ án nên ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông L, chia cho ông L 20% giá trị căn nhà số 18/11 đường Cống Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3, giá trị yêu cầu là 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sư Nguyễn Thị C trình bày: Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu của ông L chia 20% giá trị căn nhà số 18/11 đường Cống Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3 có giá trị 720.000.000đ vì đây là tài sản riêng của bà H mua từ năm 1992. Bà O là em ruột của bà H, theo yêu cầu phản tố của ông L về việc bà O có hùn vốn với bà H để mua căn nhà số 192/20B đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3 nay có số mới là 18/11 đường Cống Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3 từ năm 1992 là hoàn toàn không có. Căn nhà nêu trên do bà H mua, là tài sản riêng của bà H. Bà O xác định không hùn vốn với bà H để mua nhà và không liên quan đến căn nhà nêu trên. Bản án sơ thẩm đã đảm bảo được quyền lợi của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn đúng hạn, đề nghị được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật Tố tụng dân sự quy định. Về nội dung: Ông L không có chứng cứ chứng minh việc hùn vốn của bà O với bà H khi mua nhà vào năm 1992 và trả lại phần hùn vốn cho bà O vào năm 1999. Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm đã nhận định đầy đủ và đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

#### **[2] Xét kháng cáo phần chia tài sản chung của bị đơn:**

**[2.1]** Xét bản khai ngày 15/4/2019 của bà Vũ Kim O tại Hoa Kỳ (USA) đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 28/5/2019: bà O xác định vào năm 1992 không có hùn vốn với bà H để mua căn nhà số 192/20B đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3 nay có số mới là 18/11 đường Cộng Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3 và bà O khi xuất cảnh sang Hoa Kỳ cũng không có để lại phần hùn vốn mua nhà cho mẹ ruột tên Nguyễn Thị L1 tranh chấp với vợ chồng bà H, ông L. Căn nhà nêu trên do bà H mua từ năm 1992, là tài sản riêng của bà H và bà O không liên quan đến căn nhà nêu trên.

Bên cạnh đó, tại Công văn số 542/UBND ngày 23/8/2019, Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 3 xác định vào thời điểm năm 1999 tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 3 không có hồ sơ vụ việc tranh chấp hùn vốn mua bán căn nhà số 192/20B đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3 nay có số mới là 18/11 đường Cộng Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3.

Như vậy, không có cơ sở xác định giữa bà H và bà O có giao dịch hùn vốn mua nhà vào năm 1992, ông L cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh giữa bà H và bà O có giao dịch hùn vốn mua nhà vào năm 1992 và ông L, bà H đã trả lại phần hùn vốn này cho bà O vào năm 1999 theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bà H cũng không thừa nhận có việc mượn vàng để mua nhà mà đây là việc bà dùng tiền riêng của bà để mua nhà. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định không có việc vay mượn 6 lượng vàng của ông Tâm để vợ chồng ông L, bà H hùn vốn mua nhà nói trên.

**[2.2]** Tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá tình trạng nhà đất nói trên từ 47m<sup>2</sup> đất, nhà trệt đã tăng lên 105m<sup>2</sup> đất và nhà xây lên 3 tầng hiện tại, từ đó đánh giá để phân chia phần công sức cho bị đơn. Về lời khai nại này, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp ngày 05/5/1992 cho bà Vũ Thị H chỉ ghi nhận đất có diện tích sử dụng là 47,56m<sup>2</sup>, nhà có 1 trệt 1 lầu, đối chiếu với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số vào sổ CH11370/GCN do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp ngày 05/5/2014 ghi nhận căn nhà nói trên có diện tích xây dựng 40,2m<sup>2</sup>, nhà có 3 tầng, trong đó tầng 3 là gác gỗ tạm. Như vậy diện tích xây dựng của căn nhà giảm đi mà không tăng lên và diện tích 105m<sup>2</sup> mà bị đơn khai là diện tích sàn (tổng diện tích sàn xây dựng của tất cả các tầng). Do đó trong quá trình chung sống, căn nhà nói trên không xây cất mới, ông L cũng không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện việc ông có tham gia tôn tạo căn nhà này để được xem xét, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để đánh giá phần công sức cho bị đơn.

Hội đồng xét xử cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và đánh giá đầy đủ các chứng cứ, tình tiết do các bên khai nại và không chấp nhận yêu cầu của ông L đối với bà H về yêu cầu bà H chia cho ông L 20% giá trị căn nhà số 18/11 đường Công Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3, giá trị yêu cầu là 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng) là có căn cứ.

**[2.3] Số tiền thu nhập chung của vợ chồng từ việc cho thuê phòng trọ tại nhà số 18/11 đường Công Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3 từ năm 1999 đến nay:**

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn rút kháng cáo đối với yêu cầu này, Hội đồng xét xử xét thấy việc rút kháng cáo của bị đơn là tự nguyện, không ai ép buộc nên chấp nhận yêu cầu rút kháng cáo của ông L.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**[3] Về án phí:** Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hùng L. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1421/2019/HNGĐ-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Tuyên xử:**

1/. Không chấp nhận yêu cầu phản tố về chia tài sản chung vợ chồng của ông Lê Hùng L đối với bà Vũ Thị H là 20% giá trị căn nhà số 18/11 đường Cống Hợp Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3, giá trị yêu cầu là 720.000.000đ (bảy trăm hai mươi triệu đồng).

2/. Các quyết định khác về quan hệ nhân thân, con chung, quyền thi hành án của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Về án phí: Ông Lê Hùng L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo Biên lai số 0024934 ngày 08/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (2);
- Lưu: hồ sơ (2), VP (6), 21b (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Minh**